

VẤN ĐỀ TÌM KIẾM ĐỒNG MINH TRONG CÁCH MẠNG MỸ (1775-1783) - QUAN ĐIỂM VÀ PHƯƠNG ÁN

LÊ THÀNH NAM

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt: Trong cuộc chiến tranh giành độc lập (1775-1783), để đối chọi với nước Anh có tiềm lực quân sự vượt trội, cư dân Bắc Mỹ tiến hành vận động ngoại giao với các thế lực bên ngoài nhằm tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế. Do đó, ngay từ buổi đầu những người Mỹ cách mạng đã hình thành những luồng quan điểm khác nhau về vấn đề tìm kiếm đồng minh. Trên cơ sở các cuộc tranh biện của các đại biểu trong Đại hội lục địa, phe cách mạng đề ra phương án liên minh với quốc gia một khi cơ hội đến. Bài viết phân tích quan điểm và phương án của những người Mỹ cách mạng trong việc tìm kiếm đồng minh.

Từ khóa: Cách mạng Mỹ, đồng minh, phương án và quan điểm.

Cách mạng Mỹ vốn diễn ra dưới hình thức một cuộc chiến tranh giành độc lập do các thế hệ con cháu có nguồn gốc tổ tiên từ nước Anh định cư ở Bắc Mỹ tiến hành. Trong cuộc chiến này, cư dân thuộc địa không chỉ đơn thuần chống trả mẫu quốc trên mặt trận quân sự mà còn mở ra cuộc vận động ngoại giao với thế giới bên ngoài nhằm quốc tế hóa tình hình chính trị nội bộ của đế chế Anh. Đây được xem như mặt trận không kém phần quan trọng, bởi một mặt làm cho dư luận quốc tế hiểu rõ cuộc đấu tranh chính nghĩa mà họ đang theo đuổi; mặt khác từng bước phá vỡ thế cô lập, thoát khỏi thế chiến đấu trong vòng vây của đối phương, tranh thủ sự giúp đỡ tối đa của cộng đồng quốc tế. Để đạt mục tiêu đề ra, ngay từ buổi đầu của cuộc chiến, *những người Mỹ cách mạng đã hình thành những luồng quan điểm, ý kiến khác nhau xoay quanh vấn đề tìm kiếm, lựa chọn đối tác liên minh.* Nhờ sự thấu rõ tình hình quốc tế thông qua những luồng quan điểm tranh luận giữa các đại biểu ưu tú đến từ các thuộc địa, Đại hội lục địa từng bước vạch ra phương án, kế hoạch cho vấn đề này. Từ thực tế nêu trên, bài viết sẽ phân tích, làm rõ: (i) quan điểm của phe cách mạng về việc tìm kiếm đối tác liên minh; (ii) phương án đặt ra; (iii) một số nhận xét.

1. QUAN ĐIỂM CỦA PHE CÁCH MẠNG VỀ VIỆC TÌM KIẾM ĐỐI TÁC LIÊN MINH

Ngày 19-4-1775, cuộc đụng độ vũ trang với quân đội Anh ở Lexington của cư dân Bắc Mỹ đánh dấu sự mở đầu cuộc chiến tranh giành độc lập. Chiến tranh được xem như là hệ quả tất yếu của hàng loạt chính sách, biện pháp mà thực dân Anh vốn áp đặt đối với cư dân thuộc địa trong thời gian trước đó. Không lâu sau, Đại hội lục địa được triệu tập trở lại tại Philadelphia (10-5-1775), quy tụ những đại biểu ưu tú của các thuộc địa (ngoại trừ Georgia), nhằm lên phương án tác chiến trước mắt và vạch định những bước đi chiến lược cho thời gian sắp tới.

Có một thực tế lịch sử cần bàn, thời điểm chiến sự nổ ra, phần lớn các thuộc địa vẫn chưa chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc đối đầu với mẫu quốc. Tâm trạng dè dặt, chưa muốn ly khai khỏi chính quốc vẫn lưu hành khá rộng rãi trong cư dân cũng như đối với các đại biểu tham dự Đại hội lục địa. Mặt khác, một bộ phận dân cư vẫn còn nặng tư tưởng bị quan về cuộc chiến với nước Anh, bởi họ nhận thức rằng việc đối đầu với thế lực có tiềm lực quân sự hùng mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ chẳng khác nào đẩy các thuộc địa lâm vào tình thế “*trúng chọi với đá*”. Điều tất yếu, sự thất bại nằm trong dự báo. Bị chi phối những quan điểm như vậy khiến cho các đại biểu tham dự Đại hội lục địa chưa tính đến việc kêu gọi sự giúp đỡ, viện trợ bên ngoài cho sự nghiệp của họ, bởi điều này sẽ dẫn tới khả năng phá vỡ mọi nỗ lực đàm phán, thương lượng với chính quyền London một khi khả năng còn để ngõ.

Điều cần phải nói thêm rằng, những đại biểu tham dự Đại hội lục địa vốn có gốc gác, tổ tiên từ Cựu lục địa nên chính họ cũng thấu hiểu phần nào tâm lý nghi ngại, khéo léo che dấu bằng hành động một cách lạnh lùng của các triều đình phong kiến châu Âu trước thực tế cuộc đấu tranh diễn ra trong nội bộ đế chế Anh. Đó là chưa kể tới những nhà ngoại giao châu Âu có tư tưởng giáo hoạt, dễ dàng thay đổi trong mọi tình huống. Do đó, Đại hội lục địa không mấy hào hứng trong việc tìm kiếm đồng minh, viện trợ đến từ phía bên kia Đại Tây Dương. Không một ai trong Đại hội lục địa có thể khẳng định chắc chắn rằng những quốc gia phong kiến châu Âu trước kia vốn thù địch với cư dân Bắc Mỹ (với tư cách một bộ phận của đế chế Anh) lại giúp đỡ các thuộc địa của Anh ở Tây bán cầu một cách vô tư, không vị lợi, tính toán thiệt hơn cho bản thân họ. Tâm trạng này của Đại hội lục địa được thể hiện qua ý kiến của John Adams khi nói về sự khác biệt giữa cư dân Bắc Mỹ và châu Âu: “*Sự xảo quyết, tài sáng chế bịa đặt, tinh cách hết sức kín đáo và sự im lặng tuyệt đối của những triều đình châu Âu này sẽ là quá nhiều cho những công sứ hấp tấp, nóng nảy và những người lơ đãng, lười biếng của chúng ta mặc dù cũng yên lặng như họ*” [7, tr.23].

Thế nhưng, trước những chính sách hết sức hà khắc cùng với sự phong tỏa từ chính quốc đã đẩy nền kinh tế - xã hội của 13 thuộc địa rơi vào tình trạng hỗn loạn, vô cùng bi đát. Tình cảnh đó tác động tới những người tham gia quân đội cách mạng. Đồng tiền do các thuộc địa phát hành bị mất giá nghiêm trọng: “*Một xe ngựa chở đầy tiền khó mua nổi một xe ngựa chở đầy lương thực, thực phẩm*” [8, tr.6]. Thêm vào đó, sự khan hiếm phương tiện khí tài chiến tranh đặt ra thách thức cho phe cách mạng. Tháng 7-1775, cơ quan Ủy ban An toàn New York (The New York Committee of Safety) đã phàn nàn rằng: “*Chúng tôi (cư dân Bắc Mỹ - TG chú thích) không có vũ khí, chúng tôi không có thuốc súng, chúng tôi không có quân trang; Ông Chúa, hãy gửi cho chúng tôi tiền, khí giới và đạn dược*” [4, tr.23]. Hay như vị Tổng tư lệnh quân đội cách mạng, G. Washington thừa nhận trong dịp lễ Nôen (12-1775): “*Sự túng thiếu thuốc súng là không thể tưởng tượng được, sự lãng phí một ngày và không có nguồn cung cấp là viễn cảnh ảm đạm*” [5, tr. 33]. Hiện tượng đào ngũ không chỉ diễn ra trong quân đội chính quy do G. Washington chỉ huy mà ngay cả dân quân địa phương. Đây được xem là tình trạng phổ biến khắp nơi.

Trải qua mùa đông 1777-1778 khắc nghiệt ở thung lũng Forge trong tình trạng thiếu thốn mọi thứ, chính G. Washington cũng phải thừa nhận rằng: *“Sự nghiệp của chúng ta đang ở trong điều kiện kiệt quệ, đổ nát và tệ hại hơn nhiều so với lúc bắt đầu cuộc chiến... Những lợi ích chung của nước Mỹ đang tan dần và đắm chìm dần vào sự tan vỡ không thể cứu vãn nổi nếu như không có một phương thuốc nào được áp dụng sớm hơn”* [8, tr. 6]. Phương thuốc mà G. Washington và phe cách mạng nghĩ tới chính là tìm kiếm đồng minh, viện trợ từ phía bên ngoài.

Trong bối cảnh ở Bắc Mỹ đang tràn ngập tin đồn về việc nước Anh đang đề nghị với Pháp và Tây Ban Nha tiến hành phân chia lục địa Bắc Mỹ, đòi lại các quốc gia này hỗ trợ nước Anh đàn áp lực lượng nổi dậy, do đó, vấn đề tìm kiếm đồng minh trở nên cấp thiết và cần phải được phe cách mạng triển khai nhanh hơn. Và chắc chắn, chính giới Pháp sẽ bị hấp dẫn lời đề nghị của nước Anh nhằm phân chia các vùng đất Bắc Mỹ tại Paris [1, tr. 66-67]. Tin tức này nhanh chóng lan tới Đại hội lục địa khiến cho các đại biểu lo lắng. Bóng ma của một hiệp ước phân chia Bắc Mỹ do nước Anh khởi xướng khiến những nhà ái quốc cách mạng nhận thức rằng, *“trong khi chúng ta đang lưỡng lự về sự thiết lập liên minh [nước ngoài], nước Anh có lẽ ký ản triện phá vỡ chúng ta bằng cách ký hiệp ước phân chia Bắc Mỹ với hai hoặc ba cường quốc giàu tham vọng”* [1, tr.66]. Vấn đề đặt ra, Đại hội lục địa cần có quan điểm dứt khoát hơn về con đường đi tới độc lập, tách khỏi đế chế Anh cũng như sự cần thiết trong việc thiết lập một liên minh với một quốc gia bên ngoài nhằm đấu tranh chống lại quân đội Anh. Trong bản *“Tuyên ngôn về những nguyên nhân khởi nghĩa vũ trang”* (Declaration of the causes of taking up arms), Đại hội lục địa nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ủng hộ quốc tế với sự nghiệp cách mạng: *“Sự nghiệp của chúng ta là chính đáng, liên minh của chúng ta là hoàn hảo. Nguồn lực của chúng ta là to lớn và trong trường hợp cần thiết, sự ủng hộ quốc tế sẽ đạt được một cách chắc chắn”* [1, tr.64].

Với nhận thức như vậy, ngày 29-11-1775, tức bảy tháng sau sự kiện Lexington, Đại hội lục địa quyết định thành lập *“Ủy ban liên lạc bí mật”* (Committee of Secret Correspondence)¹ nhằm *“mục đích duy nhất là kết thân những người bạn của chúng ta ở Anh, Ai Len và các quốc gia khác trên thế giới”* [2, tr. 22]. Cơ quan này nhanh chóng cử Arthur Lee, một người Virginia đang sinh sống ở London, cải trang thành phóng viên với mục đích thăm dò thái độ dư luận của nước Anh cũng như các vị đại sứ của các quốc gia châu Âu đang có mặt tại đây.

Lúc đầu, *“Ủy ban liên lạc bí mật”* tỏ ra khá thận trọng, chủ yếu tập trung nhiều hơn vào khả năng tiếp cận trong phạm vi đế chế Anh. Những người Mỹ cách mạng mong đợi *“tình huynh đệ trong nội bộ đế chế Anh mà chia sẻ một di sản chính trị chung bằng kẻ vai sát cánh với sự nghiệp của họ”* [1, tr.70]. Di sản chính trị bao gồm *“quyền được sống, tự do và tài sản”*. Họ kỳ vọng, mong mỏi dư luận tiên bộ ở nước Anh sẽ gây áp lực để lật đổ nội các có tư tưởng thù địch với sự nghiệp của nhân dân Mỹ. Thế nhưng, sự trông chờ này nhanh chóng trở nên ảo tưởng, vô vọng. Trong bối cảnh đó, Đại hội

¹ Đây là cơ quan tiền thân của Bộ Ngoại giao Mỹ. Những thành viên đầu tiên của cơ quan này gồm John Dickson, Benjamin Franklin, Benjamin Harrison, John Jay và Thomas Johnson.

lục địa quyết định tìm kiếm sự hỗ trợ bên ngoài từ những cường quốc có thái độ thiện cảm với sự nghiệp chính nghĩa của họ.

Một vấn đề đáng lưu ý trong Đại hội lục địa là các đại biểu luôn đặt sự xung đột của Anh với các thuộc địa Bắc Mỹ trong mối tương quan quyền lực của quan hệ quốc tế ở châu Âu, bởi họ cho rằng, mẫu quốc - nước Anh tạo ra không ít sự hiềm khích, thù địch với nhiều quốc gia khác. Là một người từng sinh sống, làm việc nhiều năm ở nước Anh và các triều đình phong kiến châu Âu, Benjamin Franklin – thành viên của Đại hội lục địa, nhận định rằng: *“Tất cả các quốc gia châu Âu (ngoại trừ Anh) luôn đứng bên cạnh vấn đề của chúng ta. Song châu Âu có lý do riêng của nó. Các quốc gia đó tự cho rằng đang đối mặt với tình trạng nguy hiểm trước sự lớn mạnh của nước Anh và sẽ thú vị chứng kiến để chế Anh bị tan rã”* [1, tr. 63]. Hàng loạt vấn đề liên quan đến thái độ của các quốc gia ở Cựu lục địa được các đại biểu nêu ra: *“Nước Pháp ở đâu, Tây Ban Nha ở đâu? Hà Lan ở đâu? Những kẻ thù tự nhiên của nước Anh – họ đang ở đâu trong thời điểm này? Bạn có nghĩ rằng, các quốc gia này sẽ ủng hộ chúng ta với sự thờ ơ và vô ích hay không? Có phải Louis XVI (vua nước Pháp – TG chú thích) ngủ quên trong thời điểm này hay không? Hãy tin tôi, Câu trả lời là Không?”* [1, tr. 63]. *“Hãy tin tôi, câu trả lời là Không”*, có nghĩa rằng, các cường quốc châu Âu sẽ không đứng ngoài cuộc đấu tranh của cư dân Bắc Mỹ. Với nhận thức như vậy đã giúp các nhà cách mạng Mỹ chuẩn bị trước cho một tâm lý tự tin hơn trong việc vận động sự giúp đỡ từ phía châu Âu lục địa.

Để mở đường cho việc tiếp cận các triều đình châu Âu một cách dễ dàng hơn, B. Franklin bằng mối quan hệ cá nhân đã viết thư cho người bạn đang sinh sống tại The Hague (Hà Lan) – Charles William Frederick Dumas, trong đó chỉ rõ, *“Ủy ban liên lạc bí mật”* yêu cầu ông với tư cách công dân The Hague – địa điểm có sự hiện diện của nhiều vị đại sứ của các triều đình châu Âu, tận dụng bất cứ cơ hội nào để phát hiện *“nếu có thể, thái độ của các triều đình về việc hỗ trợ hoặc liên minh, trong trường hợp chúng ta (nước Mỹ - TG chú thích) áp dụng một hoặc nhiều đề nghị cho những điều khác nhau”* [3, tr. 33]. Theo dòng thời gian, C.W.F. Dumas trở thành kênh liên lạc, trao đổi thư từ với Đại hội lục địa và ngược lại.

2. PHƯƠNG ÁN ĐẶT RA

Có một niềm tin chung tồn tại trong những nhà ái quốc Mỹ rằng, cả hai quốc gia Pháp và Anh có mối thù truyền kiếp. Mối thâm thù này bắt nguồn từ việc nước Pháp bị tước đi quyền sở hữu hàng loạt vùng đất có giá trị chiến lược ở Tân thế giới (Canada, Louisiana) cùng với hoạt động thương mại tại đây. Tất cả những quyền này rơi vào tay nước Anh kể từ sau năm 1763². Do vậy, thông qua B. Franklin, những người Mỹ cách mạng nắm bắt tâm lý muốn trả đũa của chính giới Pháp cũng như tham vọng thu hồi

² Trong hơn nửa đầu thế kỷ XVIII, cả Pháp và Anh đều lao vào hai cuộc chiến tranh lớn: Chiến tranh Thừa kế Tây Ban Nha (1701-1714) và Chiến tranh Bảy năm (1756-1763). Cả hai cuộc chiến tranh này Pháp đều bại trận trước Anh nên buộc phải chấp nhận các điều khoản do bên thắng trận đưa ra. Trong hiệp ước Utrecht (11-4-1713), Pháp buộc phải nhượng cho Anh đất đai thuộc vùng vịnh Hudson, New Foundland và Acadi; còn trong hiệp ước Paris (10-2-1763), nước Anh tước bỏ chủ quyền của Pháp ở Canada, Nova Scotia, Cape Breton và Florida [Xem thêm: 6, tr.58-63]

những vùng đất đã mất của triều đình Versailles. Sự mâu thuẫn gay gắt giữa Anh với Pháp, là cơ hội cho người Mỹ giải quyết quan hệ với Anh. Dưới nhãn quan của nhiều đại biểu trong Đại hội lục địa, không có một quốc gia hùng mạnh và giàu có ở Cựu lục địa, ngoài nước Pháp, có khả năng trở thành đối tượng cần phải liên minh, giúp đỡ cho cư dân Bắc Mỹ nhiều nhất.

Cuối năm 1775, “*Ủy ban liên lạc bí mật*” bắt đầu thực hiện những cuộc tiếp xúc hết sức kín đáo với những mật vụ Pháp ngay trên đất Mỹ. Tháng 3-1776, Đại hội lục địa quyết định cử Silas Deane dưới danh nghĩa một thương gia Connecticut đang tìm kiếm việc làm, tới Paris nhằm thăm dò thái độ của chính giới Pháp về tình hình Bắc Mỹ, đồng thời “*yêu cầu sự giúp đỡ về quân trang, vũ khí, đồ dự phòng, tiền bạc và bất cứ phương tiện nào mà nước Pháp có thể đáp ứng cho cuộc đấu tranh chính nghĩa này*” [8, tr. 29].

Tuy có những động thái nhằm xích lại gần với nước Pháp nhưng trong Đại hội lục địa vẫn tồn tại nhiều luồng ý kiến hoài nghi về động cơ, mục đích thực sự của nước Pháp trong trường hợp quốc gia này can dự vào cuộc chiến tranh hiện tại diễn ra ở Bắc Mỹ. Trong suốt tháng 3 và 4-1776, chủ đề này thường xuyên chi phối trong các cuộc tranh biện của các đại biểu. Trong nhật ký của mình, John Adams đã phản ánh không khí này như sau: “*Quyền lợi của Pháp ảnh hưởng như thế nào trong cuộc xung đột giữa Anh và thuộc địa Bắc Mỹ? Nước Pháp sẽ đứng trung lập hay tham gia cùng với Anh hoặc với các thuộc địa Bắc Mỹ? Có phải mỗi lưu tâm của Pháp muốn phân chia để chế Anh hay không? Các thuộc địa của Pháp vẫn an toàn hay không trong trường hợp Anh và thuộc địa Bắc Mỹ giữ vững quan hệ? Nước Pháp có thể bảo vệ các thuộc địa của nó hay không? Hiện tại nước Pháp đang sở hữu Martinique, Guadeloupe và một nửa lãnh thổ Hispaniola. Trường hợp hòa giải giữa Anh và thuộc địa Bắc Mỹ diễn ra, và cuộc chiến tranh Anh và Pháp nổ ra, nước Pháp có giữ được các lãnh thổ đó trong vòng 6 tháng hay không?*” [1, tr. 65].

Những tranh cãi về mục đích, động cơ của nước Pháp trong cuộc chiến tranh ở Bắc Mỹ dù cho tạo ra những quan điểm trái ngược nhưng phần lớn các đại biểu trong Đại hội lục địa đều nhất trí hướng tới nước Pháp. “*Chúng ta (các đại biểu – TG chú thích) hãy thông báo chính thức tới triều đại Bourbon, tới thiếu của Pháp, rằng chúng ta trông đợi duy nhất sự kiên định của nước Pháp để tuyên bố độc lập của chúng ta. Chúng ta sẽ không phải nói chuyện với tất cả các cường quốc bên ngoài nhưng chỉ một trong số đó mà chúng ta đang mong đợi ủng hộ sự nghiệp chúng ta... Hãy để nước Pháp trở thành người bảo lãnh cho chúng ta trong những sắp xếp như thế này*” [1, tr. 68].

Một vấn đề đặt ra cho Đại hội lục địa, loại liên minh nào sẽ thích hợp trong quan hệ giữa nước Mỹ với triều đình phong kiến Bourbon tại thời điểm này? Điều nhận thấy rằng, đa số các đại biểu trong Đại hội lục địa đều kỳ vọng sự ủng hộ, giúp đỡ của triều đình Versailles song lại khước từ bất cứ hình thức quan hệ chính trị và quân sự nào với nước Pháp. Thay vào đó, việc thiết lập quan hệ thương mại giữa hai bên cần phải xúc tiến. Theo quan điểm của những nhà ái quốc Mỹ, “*sự khai thông buôn bán giữa Mỹ và Pháp sẽ trở thành vật bồi thường to lớn dành cho nước Pháp vì tất cả sự giúp đỡ mà quốc gia này hỗ trợ cho Mỹ. Phần của nước Pháp trong thương mại với Mỹ sẽ trở thành nguồn khổng lồ cho nền thương mại, hải quân của nước Pháp và sự hỗ trợ lớn cho*

Pháp trong việc bảo vệ những vùng thuộc địa ở Tây Ấn cũng như hoạt động đánh cá” tại đây [1, tr. 71]. Với nhãn quan như vậy, Đại hội lục địa đã chủ trương đường lối trong quan hệ với nước Pháp: *Thứ nhất*, không giao thiệp chính trị, không tiếp nhận quan chức của triều đình Versailles; *Thứ hai*, không quan hệ quân sự, không đón tiếp quân đội từ phía Pháp; *Thứ ba*, chỉ thiết lập quan hệ thương mại, ký kết hiệp ước cho phép thương thuyền mang quốc tịch Pháp vào buôn bán ở các hải cảng Bắc Mỹ.

Sau khi công bố bản Tuyên ngôn độc lập (4-7-1776), nước cộng hòa non trẻ tiến thêm một bước nữa trong việc thắt chặt mối quan hệ với nước Pháp. Tháng 9-1776, Đại hội lục địa quyết định chọn Silas Deane, Benjamin Franklin và Arthur Lee (lúc đầu là Thomas Jefferson) làm đại diện ngoại giao chính thức của nước cộng hòa mới ở Paris. Trong cùng thời gian, ngày 17-9-1776, để tạo cơ sở pháp lý cho các đại diện Mỹ triển khai cuộc vận động ngoại giao tại Pháp, Đại hội lục địa phê chuẩn bản “*Kế hoạch năm 1776*” (Plan of 1776) do John Adams khởi thảo, sau này được sử dụng như Hiệp ước mẫu để thương lượng với Pháp. Bản kế hoạch này không đề cập tới bất cứ điều khoản nhân nhượng về chính trị, chủ yếu tập trung vào các lợi ích thương mại, trong đó đáng chú ý nhất có việc đề xuất việc Mỹ sẽ mở cửa buôn bán dành ưu tiên cho nước Pháp, phá thế độc quyền thương mại của Anh ở Bắc Mỹ, cam kết đối xử bình đẳng với các nền thương mại trung lập (cho phép tàu bè các nước trung lập được buôn bán với các bên tham chiến). Ngoài ra, bản kế hoạch còn có điều khoản về viễn cảnh phá bỏ độc quyền của Anh trong nền thương mại Mỹ nhằm tạo nên sức hấp dẫn, lôi kéo nước Pháp dính líu vào cuộc chiến tranh với nước Anh. Có thể nói rằng, “*Kế hoạch năm 1776 được thiết kế như là một mẫu hình cho quan hệ của nước Mỹ với tất cả các thế lực bên ngoài*” [7, tr. 24]. Qua bản “*Kế hoạch năm 1776*”, chúng ta nhận thấy rằng:

Thứ nhất, những người Mỹ cách mạng không muốn dính líu chính trị với các nước châu Âu, cụ thể là nước Pháp. Điều này hơn ai hết, những nhà lãnh đạo cách mạng Mỹ đã nhận thức rằng, từ trong quá khứ với tư cách là thuộc địa của chính quốc, cư dân Bắc Mỹ phải tham gia các cuộc chiến tranh do mẫu quốc tiến hành. Những cuộc chiến tranh này không chỉ phục vụ quyền lợi của nước Anh mà còn cho các cường quốc châu Âu khác. Khi chiến tranh kết thúc, quyền lợi của cư dân thuộc địa không được tính tới mà chỉ nhằm thỏa mãn tham vọng của một bộ phận trong giới cầm quyền của chính quyền London. Theo thời gian, họ bắt đầu nhận rõ mình chỉ là “*con tốt trên bàn cờ chính trị châu Âu*”. Do đó, họ có nhu cầu muốn tách khỏi các cuộc phân tranh chính trị bên kia bờ đại dương. Quan điểm này đã ăn sâu trong tâm thức của cư dân Bắc Mỹ nói chung, những nhà ái quốc Mỹ nói riêng mỗi khi đề cập tới việc xúc tiến, thiết lập quan hệ ngoại giao với bên ngoài.

Thứ hai, bản “*Kế hoạch năm 1776*” đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc về thương mại của nước cộng hòa non trẻ và có thể nhận thấy rằng nếu những nội dung trên được hiện thực hóa thì nước Mỹ sẽ gặt hái được rất nhiều lợi ích không chỉ trong thời chiến mà cả thời bình ở thì tương lai...

Ngày 24-9-1776, Đại hội lục địa thông qua chỉ thị bổ sung cho bản Kế hoạch năm 1776 với việc thể hiện tính chính trị rõ hơn, trong đó người Mỹ tuyên bố chống lại sự tái lập

quyền lực của nước Pháp ở Canada và cam kết rằng nếu nước Mỹ thực thi hòa bình với nước Anh trước Pháp thì nó cũng không viện trợ cho mẫu quốc trong lúc chiến tranh Anh – Pháp đang còn diễn ra. Cuối tháng 12-1776, Đại hội lục địa đã phê chuẩn chỉ thị khác để bổ sung cho bản hiệp ước dự kiến đưa ra cho phía Pháp với nội dung cam kết rằng nước Mỹ sẽ thông báo cho Pháp trước sáu tháng nếu hòa hoãn với nước Anh và thậm chí sẽ giúp Pháp lấy lại Canada. Ngoài ra, chỉ thị yêu cầu các đại diện ngoại giao Mỹ ở Paris cần phải gia tăng áp lực với triều đình Versailles, với lời đề nghị rằng nếu triều đình Versailles hành động chậm trễ thì cư dân Mỹ sẽ tái hợp với nước Anh [1, tr. 74].

Bên cạnh việc đề ra một kế hoạch cho kịch bản liên minh với thế lực bên ngoài, các đại biểu trong Đại hội lục địa còn nhấn mạnh tầm quan trọng, sự cần thiết của hoạt động thương mại, đặc biệt là ngoại thương. Bởi đây là một trong những phương tiện giúp Cách mạng Mỹ phá vỡ thế cô lập, thu hút và tranh thủ các nguồn của cải từ khắp nơi trên thế giới đổ về bằng nhiều hình thức khác nhau. Điều này nhằm hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại về mặt kinh tế do việc đoạn tuyệt hoàn toàn với nước Anh. Một đại biểu của thuộc địa North Carolina tham dự Đại hội lục địa vào tháng 2-1776 đã cho rằng: *“Chúng ta có thể tiến hành chiến tranh mà không buôn bán và thương mại với bất kỳ ai? Hệ lụy của việc liên minh là có lẽ cắt đứt hoàn toàn với nước Anh và không có thứ gì mà chúng ta không thể cung cấp những thứ cần thiết cho việc phòng thủ của chúng ta”* [3, tr. 30]. Bất chấp lệnh phong tỏa của mẫu quốc, ngày 26-2-1776, Đại hội lục địa đưa ra phương án mở cửa cho vấn đề thương mại và cho phép thương thuyền của mọi quốc gia trên thế giới vào hải cảng Bắc Mỹ buôn bán với thời hạn tối thiểu hai năm, bắt đầu từ ngày 20-7-1776 trở đi [3, tr. 30]. Từ mỗi giao lưu thương mại, những người Mỹ cách mạng hy vọng sẽ tìm thấy đối tác thích hợp cho việc liên minh.

3. MỘT SỐ NHẬN XÉT

Một là, trong cuộc đấu tranh giành độc lập, Đại hội lục địa - cơ quan lãnh đạo tối cao, nơi quy tụ các đại biểu ưu tú của các thuộc địa đã có những luồng ý kiến nhấn mạnh tới vấn đề tìm kiếm sự ủng hộ của bên ngoài. Dù cho có những tư tưởng hoài nghi, đối lập giữa các quan điểm nhưng đây là một giải pháp thiết yếu đưa sự nghiệp đấu tranh giành độc lập tiến triển thuận lợi. Điều quan trọng, các quan điểm của các đại diện thuộc địa đã biết đặt sự nghiệp chính nghĩa, tiến bộ của bản thân họ trong mối tương quan quyền lực quốc tế đương thời. Đó là nắm bắt những mâu thuẫn giữa nước Anh với các cường quốc châu Âu khác để qua đó phân biệt ai là đối tác, ai là đối thủ? Từ việc thấu rõ tình hình quốc tế, Đại hội lục địa đã hình thành phương án để tìm kiếm đối tác liên minh

Hai là, trong nỗ lực hướng tới tiếp cận với các thế lực quốc tế nhằm lôi kéo sự ủng hộ của họ, những thành viên trong Đại hội lục địa đã chủ động hoạch định và lựa chọn mẫu hình cho quan hệ đồng minh giữa nước Mỹ cộng hòa non trẻ với bất kỳ cường quốc châu Âu nào, trước hết là Pháp. Họ khước từ những ràng buộc về mặt chính trị và quân sự, thay vào đó bằng quan hệ thương mại. Sự đề cao vấn đề thương mại, tránh dính líu chính trị với bên ngoài là cả một quá trình nhận thức từ trong lịch sử của cư dân Mỹ với tư cách thuộc địa của đế chế Anh. Minh chứng cho lập luận này là bản *“Kế hoạch năm 1776”*. Đây là sự kết tinh tư tưởng quyền lợi dân tộc Mỹ ngay khi còn đang trong thời

kỳ “*trúng nước*”, là sự tự do tối đa trong ngoại thương. Nó biểu hiện rõ nhất cho những nỗ lực của những nhà cách mạng Mỹ trên chặng đường tìm kiếm sự ủng hộ của quốc tế một cách chính thức; đồng thời trở thành cơ sở, mục đích cho những vận động ngoại giao của các đại diện Mỹ ở Cựu lục địa. Khi trở thành một quốc gia độc lập, nước Mỹ củng cố quan điểm này bằng việc đứng ngoài các cuộc phân tranh chính trị bên kia Đại Tây Dương để có điều kiện xây dựng quốc gia, nhất thể hóa dân tộc. Cụ thể là năm 1793, nước Mỹ đã tuyên bố trung lập trong cuộc chiến giữa Pháp với các thế lực phong kiến châu Âu mà có sự tham gia của nước Anh tư sản.

Ba là, một thực tế cho thấy rằng, để cho việc tìm kiếm đồng minh một cách hiệu quả, Đại hội lục địa đã chú ý tới những cá nhân có cảm tình với sự nghiệp của họ ở phía bên kia Đại Tây Dương. Những nhân vật, như: Silas Deans – thương gia, Charles William Frederick Dumas – người đưa thư v.v... đã đóng vai trò không hề nhỏ trong việc tăng thêm cơ hội cho các nhà ngoại giao Mỹ non trẻ tiếp cận với các triều đình châu Âu. Đồng thời, họ trở thành kênh thông tin, tuyên truyền cho dư luận ở Cựu lục địa hiểu rõ tường tận và chính xác những sự kiện đang diễn ra trong lòng nội bộ đế chế Anh. Qua đó hình thành tư tưởng cấp tiến trong lòng châu Âu về cách mạng Mỹ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tadashi Aruga (1985). “Revolutionary Diplomacy and the Franco-American Treaties of 1778”, *The Japanese Journal of American Studies*, No 2, p.59-100.
- [2] Samuel Bemis (1951). *A Diplomatic History of The United States*, Henry Holt and Company, New York.
- [3] Samue Flagg Bemis (1951). *The Diplomacy of the American Revolution*, Indiana University Press.
- [4] Alexander DeConde (1978). *A History of American Foreign Policy, Vol 1 (Growth to World Power 1700 – 1914)*, Charles Scribner’s Sons, New York.
- [5] Robert H. Ferrel (1975). *American Diplomacy: A history*, W.W. Norton & Company Inc. New York.
- [6] Lê Thành Nam (2009). Nước Pháp với cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (1775-1783), *Châu Mỹ ngày nay*, số 08(137), tr.58-63
- [7] Bradford Perkins (1993). *The Cambridge History of American Foreign Relations, Vol 1: The Creation of a Republican Empire, 1776 – 1865*, Cambridge University Press.
- [8] James Breck Perkins (1911). *France in the American Revolution*. Houghton Mifflin, Boston.

Title: THE AMERICAN REVOLUTION TOWARD THE QUEST FOR ALLIANCE IN INTERNATIONAL COMMUNITY – VIEWPOINTS AND PLAN

Abstract: In the war of independence (1775-1783), colonists in North American carried out diplomacy with foreign powers in order to seek their support. When the war had just broken out, revolutionist arose different viewpoints on the quest for alliance. On the basis of the debates among delegates in Continental Congress, the revolutionists mapped out plan for coalition. The paper analyzes the views and plan of America revolutionists in their searching for coalition from outside world.

Keywords: American revolution, alliance, plan, viewpoints.